TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**
Số: 239/2026/QĐST – HNGĐ	*Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 196/2026/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Anh La Văn D, sinh năm 1989; Căn cước số 008089005557; nơi thường trú: nơi thường trú: Thôn K, xã L, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1982; CCCD số 025182009630; nơi thường trú: Thôn K, xã L, tỉnh Tuyên Quang; nơi tạm trú: Căn 2210 tòa S109 KĐT VHOP thuộc xã Bát Tràng, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 03 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 03 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh La Văn D và chị Nguyễn Thị Hồng H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Anh La Văn D và chị Nguyễn Thị Hồng H có 03 con chung là: La Đức Duy, sinh ngày 15/5/2009; La Linh D, sinh ngày 18/02/2014 và La S, sinh ngày 14/11/2021. Hiện tại các con chung dg ở với chị H. Các bên thỏa thuận:

Chị Nguyễn Thị Hồng H được giao trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung là: La Đức Duy, sinh ngày 15/5/2009; La Linh D, sinh ngày 18/02/2014 và La S.

Anh La Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Hồng H là 9.000.000đồng/03 con chung/01tháng (mỗi con chung 3.000.000 đồng /01 con chung/ 01tháng), kể từ tháng 3/2026 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ

18 tuổi), nếu không có sự thay đổi nào khác. Sau khi ly hôn, anh D có quyền qua lại, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh La Văn D và chị Nguyễn Thị Hồng H thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí: Anh La Văn D tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai ký hiệu BLTU/26E số 0004668 ngày 27/02/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội:
- UBND xã L, tỉnh Tuyên Quang - Giấy CNKH số 29, quyển số 01/2007;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Việt Phương